

UBND HUYỆN TUY PHƯỚC  
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : **63** /VP - TH

Tuy Phước, ngày **23** tháng 7 năm 2018

V/v góp ý dự thảo báo cáo sơ kết giữa  
nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội  
đại biểu Đảng bộ huyện

Kính gửi: Thủ trưởng các phòng, ban huyện.

Thực hiện Kế hoạch số 54-KH/HU ngày 12/4/2018 của Huyện ủy Tuy Phước về việc sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện, Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, Văn phòng HĐND và UBND huyện đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban huyện tham gia góp ý, bổ sung dự thảo Báo cáo sơ kết để Văn phòng tổng hợp, hiệu chỉnh trình UBND huyện.

*(Dự thảo báo cáo được đăng tải trên Trang thông tin điện tử huyện theo địa chỉ: [tuyphuoc.binhdinhh.gov.vn](http://tuyphuoc.binhdinhh.gov.vn) tại mục “TÀI LIỆU HỘI NGHỊ”).*

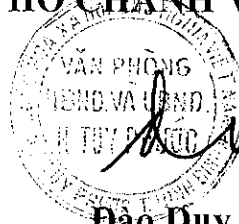
Đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban huyện góp ý trực tiếp vào dự thảo báo cáo hoặc bằng văn bản gửi về Văn phòng HĐND và UBND huyện (địa chỉ 290 Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước hoặc qua địa chỉ email:[quocduy295@gmail.com](mailto:quocduy295@gmail.com)) **trước ngày 30/7/2018.**

Đề nghị các đơn vị quan tâm phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Đào Duy Quốc**

**BÁO CÁO (dự thảo)**  
**Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện**  
**Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI**  
**về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh**

**Phần thứ nhất**  
**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ QUA HAI NĂM RỒI THỰC HIỆN**

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020, UBND huyện đã xây dựng, ban hành các kế hoạch, đề án và tổ chức triển khai thực hiện trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, nhưng cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức: Tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp; nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở còn hạn chế; kinh tế bắt đầu hồi phục và khó khăn tài chính của các doanh nghiệp chưa có dấu hiệu phục hồi, giá cả vật tư, chi phí sản xuất đầu vào tăng, hiệu quả đầu tư, kinh doanh ở một số doanh nghiệp đạt thấp; thời tiết có lúc diễn biến phức tạp, thiên tai, hạn hán, lũ lụt và dịch bệnh cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra... đã ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Nhưng dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân huyện nhà, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương và đơn vị nỗ lực khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi triển khai đồng bộ các giải pháp đề ra. Qua 2,5 năm thực hiện đạt được những kết quả như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

1. Tổng giá trị sản xuất các ngành trên địa bàn bình quân hàng năm tăng 9,0% (KH: 8,6%). Trong đó, Nông, lâm và thủy sản tăng 4,3%, (KH 4,0%); Công nghiệp, xây dựng tăng 10,8% (KH: 10,3%); Thương mại & dịch vụ tăng 11,3% (KH 10,4%).

2. Cơ cấu kinh tế: Đến cuối năm 2017, tỷ trọng nông, lâm, thủy sản chiếm 31,4% (NQ 29%); Công nghiệp, xây dựng chiếm 47,1% (NQ 50%); Các ngành dịch vụ chiếm 21,5% (NQ 21%). Cơ cấu kinh tế có chuyển dịch nhưng còn chậm (KH: Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế: nông- lâm- thủy sản 29%; Công nghiệp, xây dựng 50% và Thương mại dịch vụ 21%).

3. Tổng sản lượng lương thực có hạt qua các năm 2016-2017 và 6 tháng đầu năm 2018 là: 105.74,5 (100.000 tấn)- 104.612,4 (100.000 tấn), 6 tháng đầu năm 2018 là 56.558,2 (NQ: 100.000 tấn/ năm).

4. Thu nhập bình quân đầu người ước đến cuối năm 2018 đạt 43,9 triệu đồng/người (NQ đến năm 2020 đạt 45-50 triệu đồng).

5. Thu ngân sách hoàn thành kế hoạch tình giao và tăng bình quân hàng

năm 20,17% (NQ tăng 10%).

6. Tỷ lệ đô thị hóa cuối năm 2017 là 35% (NQ 42%), tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh trên 98,4% (NQ 99%).

7. Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học 90% (NQ 90%), THCS 100% (NQ 92,9%) và THPT 60% (40%); 100% trường học đạt chuẩn “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” (NQ 100%), hoàn thành và duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp học, bậc học (NQ PCGD tiểu học đúng độ tuổi 99%).

8. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn 4,83%; (NQ bình quân mỗi năm giảm 1-1,5%), giảm vượt kế hoạch 0,37%.

9. Duy trì 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ (NQ 100%). Duy trì 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (NQ 13/13 xã, thị trấn).

10. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu tình giao.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC**

### **1. Phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng**

#### **1.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn**

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đến nay sản xuất nông – lâm – thủy sản trên địa bàn huyện từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chú trọng nâng cao giá trị gia tăng; bước đầu hình thành các vùng liên kết sản xuất lúa giống và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, chăn nuôi gia trại, nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học, góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản (giá so sánh năm 2010) tăng bình quân 4,3%/ năm, tăng 0,3%/ năm so Nghị quyết; trong đó: Nông nghiệp tăng 4,0%/ năm bằng Nghị quyết; Lâm nghiệp tăng 5,4%/ năm, tăng 1,4%/ năm so Nghị quyết; Thủy sản tăng 6,2%/ năm, tăng 2,2%/ năm so Nghị quyết.

Về trồng trọt, đã tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định diện tích sản xuất lúa đã chuyển đổi từ 03 vụ sang 02 vụ/năm, liên kết sản xuất giống hơn 1.225 ha. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 18.886,4 ha đạt 102,09% so Nghị quyết, tăng 1,19% so cùng kỳ năm 2015; trong đó: Lúa được gieo trồng 15.112,4 ha đạt 102,11% so Nghị quyết, tăng 0,77% so cùng kỳ năm 2015, sản lượng 105.622,4 tấn đạt 104,20% so Nghị quyết, tăng 2,47% so cùng kỳ năm 2015; Cây trồng cạn được gieo trồng 3.774,0 ha, đạt 102% so Nghị quyết, tăng 2,92% so cùng kỳ năm 2015, riêng cây ngô: 382,5 ha đạt 83,15% so Nghị quyết, giảm 14,18% so cùng kỳ năm 2015, sản lượng 2.331,6 tấn đạt 84,48% so Nghị quyết, giảm 13,66% so cùng kỳ năm 2015; ứng dụng các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất diện rộng, gắn với thị trường tiêu thụ góp phần tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác. Năng suất bình quân hàng năm là 69,2 tạ/ha tăng 0,5 tạ/ha so năm 2015, tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt 107.954 tấn (KH 100.000 tấn); nâng giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt đạt 107,1 triệu đồng/ha/năm. Triển khai xây dựng thành công 02 cánh đồng lớn sản xuất và bao tiêu sản phẩm tại Phước Hưng và Phước Sơn, với quy mô 200 ha/HTX/năm theo

Quyết định phê duyệt của UBND Tỉnh. Xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn 2.400 ha/ 26 cánh đồng/ 2 vụ (13 xã, thị trấn). Công tác dự báo và phòng trừ sâu bệnh được thực hiện thường xuyên và nghiêm ngặt, bảo vệ cây trồng sinh trưởng tốt.

Về **chăn nuôi, thú y**, công tác chỉ đạo khôi phục và phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm được chỉ đạo chặt chẽ, quyết liệt, không để tái phát, lây lan dịch bệnh, nhờ đó chăn nuôi tiếp tục phát triển. Từ năm 2016 đến nay có bước chuyển mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang hướng phát triển chăn nuôi gia trại gắn với thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh chương trình lai cải tạo đàn bò, nạc hóa đàn heo. Tổng đàn bò 15.958 con đạt 99,74% so Nghị quyết, giảm 3,40% so cùng kỳ năm 2015. Tổng đàn heo 34.199 con đạt 62,18% so Nghị quyết, giảm 29,21% so cùng kỳ năm 2015. Tổng đàn gia cầm 1.655.760 con đạt 97,40% so Nghị quyết, tăng 17,60% so cùng kỳ năm 2015. Tỷ lệ bò lai trên 80%, đã quy hoạch 11 điểm chăn nuôi tập trung tại 11 xã và 2 điểm giết mổ gia súc tập trung tại thôn Phú Mỹ - Phước Lộc; thôn Mỹ Điền- Thị trấn Tuy Phước.

Về **thủy sản - diêm nghiệp**, tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, giảm diện tích nuôi bán thâm canh, tăng diện tích nuôi quản canh cải tiến, đa dạng các phương thức nuôi gắn với bảo vệ môi trường; toàn huyện có 762 chiếc tàu cá (tàu có công suất dưới 40 CV), sản lượng khai thác năm 2017 là 4.528,3 tấn (KH 3.900 tấn). Diện tích nuôi thủy sản 998,1 ha, đạt 99,61% so Nghị quyết, tăng 0,46% so cùng kỳ năm 2015. Sản lượng nuôi trồng thủy sản: 1.951 tấn, đạt 124,27% so Nghị quyết, tăng 15,57% so cùng kỳ năm 2015. Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 4.460 tấn, đạt 114,36% so Nghị quyết, tăng 11,65% so cùng kỳ năm 2015. Trong đó: Diện tích nuôi thủy sản nước lợ: 971,1 ha đạt 99,91% so Nghị quyết, tăng 0,62% so cùng kỳ năm 2015. Năng suất tôm ước đạt bình quân 1.390,2 kg/ ha, đạt 128,69% so Nghị quyết, tăng 17% so cùng kỳ năm 2015; Sản lượng tôm: 1.350 tấn, đạt 128,57% so Nghị quyết, tăng 17,73% so cùng kỳ. Cá: 260 tấn, đạt 130% so Nghị quyết, tăng 5,35% so cùng kỳ năm 2015. Thủy sản khác: 320 tấn, đạt 106,67% so Nghị quyết, tăng 16,58% so cùng kỳ năm 2015. Xây dựng thành công các mô hình nuôi tôm theo hướng an toàn sinh học quy mô 23,5 ha/ 45 hộ ở Đông Điền, xã Phước Thắng, năng suất bình quân đạt 4 tấn/ ha, lợi nhuận: 200 triệu đồng/ ha/ 2,5 tháng; Nuôi tôm sú kết hợp cá chua theo hướng an toàn sinh học quy mô 19,5 ha/ 18 hộ ở Vinh Quang 2, xã Phước Sơn, sản lượng tôm thu được 13,83 tấn, lợi nhuận: 80 triệu đồng/ ha/ 5 tháng; Nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp cá rô phi theo hướng ATSH quy mô 3.000 m<sup>2</sup>/ 01 hộ ở thôn Kim Đông, xã Phước Hòa, sản lượng tôm thu được 2,8 tấn, lợi nhuận: 150 triệu đồng/ mô hình/ 2,5 tháng.

Về **lâm nghiệp**, đã tổ chức phê duyệt quy hoạch phát triển và bảo vệ rừng đến năm 2020, tiếp tục duy trì ổn định diện tích rừng trồng kinh tế lên trên 1.220 ha, trồng rừng ngập mặn và trồng cây nhân dân được tăng cường, tỷ lệ che phủ rừng 11,5% vượt kế hoạch đề ra; công tác phòng chống cháy rừng, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản được chú trọng và quan tâm.

Về **thuỷ lợi**, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh, giữ vai trò

quan trọng trong việc điều tiết lũ, hạn chế thiệt hại vùng hạ lưu, đảm bảo phục vụ tưới, tiêu nước; thực hiện kiên cố hóa trên 121,105/175km, chiếm 69,2%; (kế hoạch 90%) so kế hoạch chưa đạt nhưng với sự tích cực các địa phương tiếp tục đầu tư đến năm 2020 sẽ đạt theo kế hoạch; có 100% số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi; diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động đạt >95%.

### Về Phát triển kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế HTX NN

Đã tập trung củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các HTX NN. Kết quả đánh giá xếp loại các Hợp tác xã nông nghiệp theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT: có 2 HTX đạt loại tốt (HTX Phước Hưng, Phước Quang); có 04 HTX khá (Phước Sơn 1, Phước Sơn 2, Phước Hiệp, Phước Lộc, Phước Thắng, Phước An 1); có 04 HTX trung bình (Phước Thành, Phước An Tây, Phước Thuận, Phước Thuận 3), có 04 HTX yếu (Phước Nghĩa, Phước Hòa, thị trấn Tuy Phước, Thị trấn Diêu Trì). Vốn kinh doanh dịch vụ bình quân hàng năm tăng 6%/năm (KH 15%/năm); Tổng doanh thu bình quân hàng năm tăng 9%/năm (KH 15%/năm); Lợi nhuận bình quân hàng năm tăng 7%/năm (KH 14%/năm); số HTX hoạt động có lãi 8/13 HTX đạt tỷ lệ 61,5% (KH 100%), không tính 03 HTX NN chuyên khâu dịch vụ thủy lợi (Phước Hòa, Phước Nghĩa, Thị trấn Tuy Phước). Nợ cũ tồn đọng các HTX NN đến 31/12/2017 là 15.160 triệu đồng, tỷ lệ thu nợ tồn đọng đạt 23% (KH 30%), thu nợ phát sinh đạt 94% (KH 95%).

Trong thời gian qua, các HTX đã góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế hộ thành viên thông qua việc tổ chức thực hiện các dịch vụ thiết yếu phục vụ sản xuất như: hướng dẫn lịch thời vụ, cơ cấu giống, tổ chức quản lý, điều hành tưới tiêu, cung ứng giống cây trồng, phân bón, điều hành làm đất, dịch vụ máy cuốn rơm,... Đến nay, có 10 HTXNN liên doanh liên kết với doanh nghiệp nông nghiệp tổ chức thành viên sản xuất với tiêu thụ sản phẩm (đầu ra) có hiệu quả, với tổng diện tích 1.225 ha, hàng năm cung ứng gần 6.000 tấn lúa cho Công ty. HTX là tổ chức đại diện nông dân trong việc tiếp nhận trong việc chuyển giao các chính sách hỗ trợ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, phương thức tổ chức sản xuất tiên tiến của Nhà nước để tổ chức cho nông dân sản xuất có hiệu quả.

Về *xây dựng nông thôn mới*, Triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, theo Chương trình Hành động số 02-CT/HĐHU của Huyện uỷ về “*xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*” toàn dân chung tay, chung sức xây dựng nông thôn mới kinh tế nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng khá, kết cấu hạ tầng nông thôn được tăng cường đầu tư đồng bộ, đời sống nhân dân không ngừng cải thiện, nâng cao; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới và khởi sắc. Kết quả thực hiện đến cuối năm 2017, toàn huyện có 6/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: Phước An, Phước Hưng, Phước Nghĩa, Phước Thành, Phước Lộc, Phước Sơn), theo kế hoạch 4 xã gồm Phước Hòa, Phước Hiệp, Phước Quang, Phước Thuận sẽ về đích nông thôn mới trong năm 2018, 01 xã Phước Thắng sẽ về đích nông thôn mới trong năm 2019 và huyện Tuy Phước sẽ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2020 theo NQ đề ra.

## **1.2. Phát triển kinh tế công nghiệp**

Thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy Bình Định. Huyện ủy Tuy Phước đã ban hành Kế hoạch số 32-KH/HU ngày 06/4/2017 về “*Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giai đoạn 2016 – 2020*” nhằm cụ thể hóa các mục tiêu và giải pháp thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững. Sau hơn 2,5 năm triển khai thực hiện, giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng (theo giá so sánh 2010) tăng bình quân hàng năm 10,8% (NQ 10,3%). Huyện đã tập trung chỉ đạo tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn huyện, đến nay toàn huyện có 2.188 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất CN - TTCN, giải quyết việc làm cho khoảng 7.263 lao động, nhất là tại Cụm công nghiệp Phước An đã lấp đầy, có 21 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang hoạt động và giải quyết việc làm thường xuyên trong cụm trên 1.831 lao động và từng bước đi vào hoạt động hiệu quả, giá trị sản xuất tại Cụm chiếm tỷ trọng 31,8% trên tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện. Đã lập thủ tục đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét phê duyệt bổ sung xây dựng các cụm công nghiệp: Bình An (Phước Thành), Quy Hội (Phước An) và Cụm công nghiệp Kỳ Sơn (Phước Sơn) vào quy hoạch phát triển cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 nhằm thu hút đầu tư vào huyện, giải quyết việc làm cho người lao động. Tiếp tục hỗ trợ và duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh các làng nghề truyền thống. Thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về “*Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020*”, sau 2,5 năm thực hiện, tổng mức đầu tư trên các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, Sở hữu trí tuệ, y tế, Giáo dục,... đạt 2,16% so tổng mức chi đầu tư của ngân sách huyện.

## **1.3. Phát triển thương mại, dịch vụ**

Hoạt động thương mại, dịch vụ có bước phát triển khá và đa dạng. Giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ (theo giá so sánh 2010) tăng bình quân hàng năm 11,3% (NQ 10,3%). Đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các khu đô thị tại thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì, đã đầu tư nâng cấp và cải tạo lại 11 chợ nông thôn, đầu tư nâng cấp mở rộng và đưa vào sử dụng chợ mới Diêu Trì và chợ Phước Sơn đạt hiệu quả và đang tập trung thực hiện chợ Gò Bồi – Phước Hoà, dự kiến cuối năm sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần quan trọng vào việc phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện. Các loại hình kinh doanh, thương mại, dịch vụ, bưu chính... tiếp tục mở rộng và phát triển, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân; Công tác đưa hàng Việt về cơ sở và kiểm tra kiểm soát thị trường, phòng chống gian lận thương mại được quan tâm chỉ đạo thực hiện đảm bảo nhu cầu mua sắm hàng hóa của nhân dân.

## **1.4. Phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật**

- Tổng giá trị thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 là 669.837 triệu đồng (ngân sách tỉnh 214.094 triệu đồng, ngân sách huyện 455.743 triệu đồng) tăng 20% so với cùng kỳ giai đoạn 2011-2015 và đạt 59% so với kế hoạch đề ra, trong đó, thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình chuyển tiếp 31.897 triệu đồng, đạt 36% kế hoạch; lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn 127.199 triệu đồng đạt 42% kế hoạch; lĩnh vực giao thông 85.997 triệu đồng, đạt 33% kế hoạch; Lĩnh vực giáo dục, văn hóa thể thao 73.093 triệu đồng, đạt 54% kế hoạch; Lĩnh vực môi trường nước sạch 4.094 triệu đồng, đạt 12% kế hoạch; Xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình dịch vụ thương mại 97.108 triệu đồng đạt 39% kế hoạch; đối ứng và hỗ trợ các chương trình 250.449 triệu đồng, đạt 417% kế hoạch. Nhìn chung qua 2,5 năm triển khai kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020 của UBND huyện các ngành, các cấp ngân sách đã chủ động triển khai đầu tư phát triển theo đúng mục tiêu, phương châm đầu tư đề ra; khai thác huy động tốt các nguồn lực địa phương; đã tích cực tranh thủ các nguồn vốn cấp trên đầu tư trên địa bàn; công tác sử dụng vốn đầu tư hiệu quả đã góp phần thúc đẩy kinh tế- xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục ngày một phát triển; bộ mặt đô thị và nông thôn có nhiều chuyển biến, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh của nhân dân; công tác bảo vệ môi trường được quan tâm triển khai đầu tư. Tạo tiền đề hoàn thành phương hướng, mục tiêu đầu tư đến năm 2020.

Tuy nhiên trong quá trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong công tác GPMB, huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực cấp trên, cụ thể một trong những công trình trọng điểm trong giai đoạn này là: Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 640 (từ ngã ba cầu Ông Đò đến cuối thị trấn Tuy Phước) gặp nhiều khó khăn trong công tác GPMB và nguồn vốn, đến nay ngân sách Trung ương, tỉnh chỉ bố trí 42.000 triệu đồng/110.000 triệu đồng đạt 38% kế hoạch (trong đó ngân sách TW: 32.500 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 9.500 triệu đồng). Đã hoàn thành công tác quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Phước Hòa định hướng phát triển đô thị loại V. Trung tâm xã Phước Sơn và trung tâm xã Phước Lộc đang thực hiện công tác quy hoạch, riêng quy hoạch chi tiết đô thị Phước Lộc đang xem xét điều chỉnh để hoàn thiện. Đã lắp đặt 2.715 mét đường ống cung cấp nước sạch, cung cấp cho 13.342 hộ, với 1.522.069 m<sup>3</sup> nước. Đến nay tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,4% (NQ đến năm 2020 đạt 99%).

### **1.5. Về tài chính, ngân sách, tín dụng**

Thu ngân sách trong 2,5 năm (không bao gồm: Thu CTN NQD cho Cục thuế quản lý, thu tiền SDD) tăng bình quân qua các năm từ 2016 đến tháng hết tháng 6 năm 2018 là 24,2% so với kế hoạch tỉnh giao, tăng 23,1% so với dự toán huyện giao, tăng bình quân hàng năm 20,17%. Chi ngân sách huyện qua các năm đều vượt kế hoạch, tỷ lệ tăng bình quân hàng năm 6,7%. Công tác quản lý chi được tăng cường kiểm soát, đảm bảo đúng Luật Ngân sách, chế độ chi hiện hành, dự toán giao hàng năm và các khoản chi phát sinh bức xúc khác.

Hoạt động tín dụng ngân hàng nông nghiệp tiếp tục phát triển, thực hiện tốt vai trò huy động vốn và cho vay vốn đầu tư phát triển, sản xuất nông nghiệp nông thôn đáp ứng nhu cầu vốn cho các thành phần kinh tế và nông dân trên địa bàn. Doanh số cho vay hàng năm tăng cao, số dư nợ tín dụng ngân hàng đến nay đạt 810 tỷ đồng, tăng 70% so với cuối năm 2015. Hoạt động của 7 Quỹ tín dụng nhân dân có sự phát triển đáng kể, giải quyết nhu cầu vốn cho các thành viên đầu tư phát triển kinh doanh, tổng dư nợ của 07 Quỹ tín dụng nhân dân đạt 212.786 triệu đồng, tăng 11,9% so với cuối năm 2015.

### ***1.6. Về tài nguyên, môi trường***

Công tác quản lý nhà nước về đất đai được tăng cường, có nhiều chuyển biến tích cực và đã giải quyết, xử lý tháo gỡ được một số vấn đề tồn tại. Công tác lập quy hoạch kế hoạch và thực hiện kế hoạch sử dụng đất có tiến bộ về tiến độ; công tác cho thuê đất, thu hồi đất thực hiện chặt chẽ về thủ tục, đúng pháp luật cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Đã hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối giai đoạn 2016 – 2020; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2016, 2017, 2018. Trong năm 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 đã xét giao đất ở tái định cư cho 186 trường hợp với diện tích 22.099,8m<sup>2</sup>, xét giao đất ở cho các hộ gia đình là 91 hộ với diện tích 11.084,6m<sup>2</sup>; lập thủ tục trình UBND tỉnh giao đất 42 công trình, dự án với diện tích 515.385,2m<sup>2</sup>; phê duyệt quy hoạch khu dân cư của các xã, thị trấn với diện tích 186.800m<sup>2</sup>; thực hiện việc thu hồi đất để triển khai thực hiện 65 công trình với diện tích 865.162,9m<sup>2</sup>; cho thuê đất đối với 23 trường hợp hộ gia đình, cá nhân với diện tích 98.542,8m<sup>2</sup>; phê duyệt phương án BTGPMB của 150 trường hợp; lập thủ tục cấp 2.921 giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân. Đặc biệt chỉ đạo thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc quản lý đất đai tại các xã, thị trấn; tập trung xử lý vụ bà Thái Thị Kim Loan và một số công dân ở thôn Huỳnh Giản Nam, xã Phước Hòa yêu cầu giải quyết thu hồi phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản có tục danh “Gò Xếp” diện tích 26ha....

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và môi trường được tập trung thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra và ký xác nhận các bản cam kết môi trường, đề án bảo vệ môi trường; Tổ chức thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đối với các hộ gia đình, cá nhân, các chợ, trường học, cơ quan, tổ chức trên địa bàn dọc trục đường chính như: QL19, QL19C, QL1A, ĐT 640, ĐT 636... Đã đầu tư xây dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Phước An với công suất thiết kế là 200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### ***1.7. Phát triển các thành phần kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể***

Trong 2,5 năm qua, UBND huyện luôn tập trung khuyến khích đầu tư như tạo điều kiện về cơ chế tài chính, đất đai, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng,... nhằm phát huy tính năng động của doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước để thu hút các nhà đầu tư



mở rộng và xây dựng các nhà máy sản xuất trên địa bàn. Hiện nay trên toàn huyện có khoản 2.188 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất CN-TTCN, giải quyết việc làm cho khoản 7.263 lao động; các doanh nghiệp có quy mô lớn như: Các doanh nghiệp chế biến gỗ, khai thác đá...kết hợp với các hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, đã chú trọng đầu tư mở rộng cơ sở, tăng quy mô công xuất, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm có chất lượng cao, góp phần tạo ra bước đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy ngành CN-TTCN địa phương phát triển.

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 05-CT/HĐHU của Huyện uỷ về “Đổi mới, phát triển các Hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2016-2020” góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn huyện. Đến nay, Vốn kinh doanh dịch vụ bình quân hàng năm tăng 6%/năm (KH 15%/năm); Tổng doanh thu bình quân hàng năm tăng 9%/năm (KH 15%/ năm); Lợi nhuận bình quân hàng năm tăng 7%/năm (KH 14%/năm), nợ cũ tồn đọng các HTX NN là 15.160 triệu đồng, tỷ lệ thu nợ tồn đọng đạt 23% (KH 30%), thu nợ phát sinh đạt 94% (KH 95%).

## **2. Phát triển văn hóa - xã hội**

### **2.1. Về giáo dục và đào tạo**

Quy mô trường, lớp tiếp tục được củng cố và phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập học sinh. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp hàng năm đạt tỷ lệ 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%, tuyển sinh lớp 6 hàng năm đều đạt trên 100% (NQ 100%). Chất lượng giáo dục đại trà được giữ vững và từng bước được nâng cao; chất lượng giáo dục toàn diện chuyển biến theo chiều hướng tích cực; nề nếp kỷ cương trong dạy và học, trong kiểm tra đánh giá ngày một nghiêm túc hơn. Công tác phổ cập ở các cấp học, bậc học được duy trì và từng bước nâng cao chất lượng. Tỷ lệ xét hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đều đạt tỷ lệ 100%, xét tốt nghiệp THCS hàng năm đạt trên 99%, tỷ lệ tốt nghiệp PTTH đạt 97,87%. Các điều kiện phục vụ cho việc dạy và học được tăng cường; đội ngũ giáo tăng về số lượng và được nâng chuẩn về trình độ; công tác quản lý giáo dục có tiến bộ ở một số lĩnh vực, đã ngăn chặn và đẩy lùi kịp thời những biểu hiện tiêu cực, thiếu kỷ cương trong giáo dục. Toàn huyện có 52/63 trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó: Mầm non 9, đạt 69,23% (NQ 50%), Tiểu học: 27 trường, đạt 90% (NQ 90%); THCS: 13 trường, đạt 100% (NQ 92,9%), THPT: 3 trường, đạt 60% (NQ 40%); 100% trường học đạt tiêu chuẩn “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Công tác khuyến học, khuyến tài ngày càng được các cấp quan tâm và đẩy mạnh, góp phần động viên phong trào dạy và học cho giáo viên và học sinh, tác động làm giảm thiểu số lượng và tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng hàng năm. Hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng từng bước có hiệu quả; công tác xã hội hóa giáo dục không ngừng được nâng cao, góp phần đưa chất lượng giáo dục toàn diện đi lên.

### **2.2. Về y tế, dân số – kế hoạch hóa gia đình (KHHGD)**

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các biện pháp phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, nhất là dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết,... được không chế kịp thời, không có dịch lớn xảy ra. Qua 2,5 năm đã thực hiện

khám, chữa bệnh cho 651.065 lượt người; mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở không ngừng được củng cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao. Có 100% Trạm Y tế có bác sĩ tại chỗ (NQ 100%); duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế, đạt chỉ tiêu NQ; Các hoạt động truyền thông về SKSS/KHHGD được duy trì thường xuyên, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân 81,2% so với dân số, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiếm 10,9%,

### **2.3. Về văn hóa, thông tin, thể thao, truyền thanh**

Đến nay, có 03 khu dân cư đủ điều kiện công nhận “Thôn văn hóa”, 06 “Thôn văn hóa” giữ vững phong trào 3 năm liền đủ điều kiện công nhận lại và 53 “Thôn văn hóa” được bảo lưu thành tích, đạt tỷ lệ 61,38% so với tổng số thôn, giảm 2,97% so với năm 2016. Đến nay trong toàn huyện có 90/101 thôn đã được các cấp công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”, đạt 89,1% so với tổng số thôn, đạt xấp xỉ so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra (*chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra đến năm 2020 là 90%*); có 46.820/49.025 hộ được công nhận “Gia đình văn hóa”, đạt tỷ lệ 95,5% so với tổng số hộ gia đình đăng ký (*chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra đến 2020 là 97%*). Đến cuối năm 2017, toàn huyện có 93/135 cơ quan được công nhận danh hiệu “Cơ quan văn hóa”, đạt tỉ lệ 68,88% tổng số cơ quan đăng ký (*chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra đến 2020 là 100%*). Có 06 xã được bảo lưu thành tích xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 54,54% so với tổng số xã (*chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra đến năm 2020 là 100%*).

Công tác tuyên truyền trực, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương được tập trung. Phong trào văn hóa văn nghệ phát triển mạnh, hàng năm tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội mừng Đảng – mừng Xuân thu hút hàng ngàn lượt quần chúng tham dự. Sáng tác và dàn dựng nhiều kịch bản, chương trình văn nghệ quần chúng phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và tham gia hội thi cấp huyện, tỉnh, khu vực đạt giải cao. Duy trì và phát triển tốt Hội đánh bài chòi cổ dân gian của huyện, được nhân dân nhiệt tình cổ vũ, hưởng ứng.

Phong trào Thể dục thể thao trên địa bàn huyện có bước phát triển, phong trào *Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại* gắn với phong trào *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư* tiếp tục được đẩy mạnh, nhiều hoạt động thể dục thể thao được tổ chức đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân đến tham gia; đến nay, số người tập TDTT thường xuyên đạt 35%, tăng 3,6% so với năm 2015 (*chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra đến 2020 là 40%*), số hộ gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt 28%, tăng 3% so với năm 2015 (*chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra đến 2020 là 32%*); số Trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất đạt 100%.

Ngoài ra, UBND huyện ban hành Kế hoạch Bảo tồn và Phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 – 2020 tăng cường công tác đầu tư xây dựng, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể

trên địa bàn huyện được quan tâm góp phần chỉnh trang và tăng nét mỹ quan của đô thị. Đến nay, đã thực hiện đầu tư các công trình như: Vụ thẩm sát Nho Lâm, Đình Văn Chỉ, Đình làng Vinh Thạnh, Mộ Nguyễn Diêu, Chùa Bà, đang triển khai thực hiện việc Mở rộng khuôn viên di tích lịch sử Nhà Lưu niệm Nhà thơ Xuân Diệu; lập quy hoạch tổng thể mở rộng khuôn viên và xây dựng một số hạng mục di tích lịch sử Chùa Bà; xây dựng hồ sơ đề cử Lễ hội Chợ Gò đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. UBND tỉnh đã Quyết định xếp hạng di tích Nước Mặn- nơi phôi thai chữ quốc ngữ là di tích lịch sử cấp tỉnh, nâng tổng số di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện đã được xếp hạng là 16 di tích ( 04 cấp quốc gia và 12 cấp tỉnh).

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước được tập trung chỉ đạo; trong hai năm qua, huyện đã đầu tư trên 1,4 tỷ đồng mua sắm các trang thiết bị, phần mềm phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Đến nay, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có máy tính để sử dụng đạt trên 98%, trên 50% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ; đã triển khai dịch vụ công trực tuyến trên 12 lĩnh vực, với 66 thủ tục hành chính mức độ 1 và 2, 05 thủ tục hành chính mức độ 3; đã triển khai thực hiện phần mềm văn phòng điện tử từ huyện đến các UBND xã, thị trấn, các văn bản, chỉ đạo, điều hành đều được thực hiện qua môi trường mạng. Hiện đang tiến hành xây dựng hệ thống giao ban trực tuyến kết nối từ huyện đến các xã, thị trấn.

#### ***2.4. Về thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm***

Công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công được thực hiện tích cực, đúng quy định. Trong 2,5 năm, đã chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên cho hơn 9.100 đối tượng bảo trợ xã hội, với số tiền trên 81.000 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho 39.275 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, với số tiền gần 5.000 triệu đồng; tổ chức mừng thọ cho các cụ cao tuổi theo quy định; đã chi trả cho 1.845 người có công và thân nhân, với tổng số tiền trên 70.000 triệu đồng; 100% mẹ VNAH còn sống được các đơn vị nhận phụng dưỡng suốt đời; cấp 9.405 lượt thẻ BHYT người có công và thân nhân; thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo cho 236 lượt học sinh, sinh viên, với số tiền trên 800 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí cải thiện 79 nhà ở người có công, với tổng số tiền trên 3.000 triệu đồng. Ngoài ra, trong các dịp lễ, Tết, đã tổ chức thăm và tặng 22.264 suất quà, với tổng số tiền gần 4.500 triệu đồng. Từ nguồn kinh phí vận động các tổ chức, cộng đồng, cá nhân ủng hộ đã xây dựng 46 căn nhà và sửa chữa 41 căn nhà cho hộ nghèo, với số tiền trên 3.000 triệu đồng; hỗ trợ 32 hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, với số tiền trên 759 triệu đồng. Các Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm được triển khai thực hiện đồng bộ. Đến nay, Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải quyết cho 9.429 hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn ưu đãi và kết hợp các chương trình cho vay khác, nâng tổng dư nợ cho vay tính đến ngày 30/4/2018 là 283.798 triệu đồng, nợ quá hạn còn 896 triệu đồng, chiếm 0,32%/tổng dư nợ; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,83%. Các chương trình, chính sách xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em được duy trì thường xuyên, nhất là trẻ em nghèo, trẻ

em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Công tác vận động hỗ trợ các nhân dân có hoàn cảnh khó khăn, nhà sập hoàn toàn do lũ lụt các năm gây ra được tập trung, nhất là công tác hỗ trợ cứu đói, giúp đỡ thực hiện hiệu quả. Đã hỗ trợ kinh phí xây dựng cho 724 hộ gia đình có nhà ở bị sập, bị cuốn trôi hoàn toàn, nhà ở bị hư hỏng nặng không ở được, 07 người chết, 02 người bị thương do bão lũ gây ra, với tổng số tiền gần 25.000 triệu đồng; cứu trợ gần 1.140 tấn gạo cho hàng nghìn lượt hộ gia đình có đời sống khó khăn trong các đợt bão lũ, thiếu đói giúp đỡ, đả lửa,...

### **3. Xây dựng chính quyền, quốc phòng - an ninh**

#### **3.1. Về xây dựng chính quyền**

Tổ chức thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIII, bầu cử Đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021 trên địa bàn huyện. Bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn; hiệu lực, hiệu quả hoạt động có bước tiến bộ. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ về trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị được chú trọng; Công tác cải cách thủ tục hành chính được quan tâm chỉ đạo và duy trì thường xuyên, 100% cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn thực hiện cơ chế “một cửa” và đạt được một số kết quả tích cực, tạo được sự chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa nhà nước và tổ chức, công dân. Công tác tiếp xúc cử tri, tiếp nhận và trả lời ý kiến cử tri được duy trì thường xuyên. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 tại UBND huyện và đang triển khai kế hoạch các xã thị trấn áp dụng hệ thống ISO 9001: 2015. Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 04-CT/HU ngày 19/7/2016 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI về “*Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020*”, sau 2,5 năm thực hiện các cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên các cơ quan, đơn vị trực thuộc đã xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, giai đoạn luôn gắn với nội dung Chương trình hành động và kế hoạch cải cách hành chính chung của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trong đó xác định rõ những nhiệm vụ, giải pháp cần phải thực hiện, thời gian hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị. Các đề án, chương trình, kế hoạch về triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính luôn được bố trí kinh phí đảm bảo theo từng năm.

Công tác tiếp dân ở các cấp được duy trì; công tác rà soát, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng, nhất là các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, tồn tại kéo dài. Công tác thanh tra, kiểm tra gắn với công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực được tăng cường. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có nhiều chuyển biến tốt. Công tác hòa giải cơ sở có tiến bộ và hiệu quả hơn. Công tác thi hành án dân sự đạt kết quả khá.

#### **3.2. Về quốc phòng, an ninh**

Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác huấn luyện và diễn tập quân sự được duy trì và thực hiện theo kế hoạch, đã tổ chức diễn tập khu vực

phòng thủ “PT 17” cấp huyện đạt kết quả khá tốt. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang được quan tâm hơn. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố về số lượng và nâng cao về chất lượng; lực lượng dự bị động viên được tăng thêm số lượng, công tác đăng ký, quản lý ngày càng chặt chẽ hơn. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu tỉnh giao, chất lượng ngày được nâng lên. Công tác chính sách hậu phương quân đội được quan tâm và duy trì thường xuyên. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được chú trọng triển khai thực hiện có kết quả. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường; đã tổ chức nhiều đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp các loại tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội và kiềm chế tai nạn giao thông. An ninh nông thôn và an ninh tôn giáo được tăng cường góp phần giữ vững, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Từ những kết quả nêu trên, có thể đánh giá chung là: *Qua 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nền kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng và phát triển, thu ngân sách đạt khá, các lĩnh vực kinh tế trọng yếu đều tăng trưởng; các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá xã hội tiếp tục có bước tiến bộ, các vấn đề an sinh xã hội được giải quyết kịp thời, đời sống nhân dân ổn định và ngày càng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung và có chuyển biến tốt, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được tăng cường.*

### IV. NHỮNG HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

*Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện trong 2,5 năm qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là:*

1. Nền kinh tế của huyện tuy tăng trưởng nhưng chưa cao; tốc độ tăng trưởng kinh tế một số ngành còn đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Công nghiệp phát triển nhưng quy mô nhỏ chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn vào địa bàn. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm, lúng túng gây khó khăn cho việc triển khai thi công xây dựng. Công tác hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư, triển khai thi công xây dựng một số công trình trọng điểm chưa đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra. Công tác chỉnh trang đô thị chưa đáp ứng yêu cầu, hạ tầng đô thị còn nhiều vấn đề bức xúc.

2. Sản xuất nông nghiệp chưa gắn liền với công nghiệp chế biến; đầu ra sản phẩm còn bấp bênh trong khi chi phí đầu vào tăng cao, diễn biến thời tiết biến đổi khó lường, dịch bệnh vật nuôi còn tiềm ẩn và diễn biến phức tạp nên chưa khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; hiệu quả hoạt động của các HTX NN chưa có chuyển biến mạnh, còn lúng túng; một số Quỹ tín dụng nhân dân tỷ lệ nợ xấu còn cao. Một số nguồn thu vào ngân sách tuy đạt nhưng một số khoản thu thiếu ổn định, tỷ lệ nợ đọng thuế hàng năm vẫn còn chiếm tỷ lệ cao. Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, xử lý các trường hợp lấn chiếm đất đai, đất được giao trái thẩm quyền, thu tiền trái quy định còn chậm; công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất thực hiện theo dự án VLAP chưa đạt yêu cầu; tình

trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra.

3. Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đồng bộ giữa các vùng, số lượng học sinh bỏ học còn cao ở cấp THPT. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở một số địa phương chưa có chuyển biến về chất lượng, việc trùng tu, tôn tạo một số di tích lịch sử văn hóa chậm; công tác bảo tồn phát huy các di sản văn hóa chưa được khai thác và phát huy hiệu quả, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao ở huyện và cơ sở chưa đạt yêu cầu theo quy hoạch. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là dịch sốt xuất huyết còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bùng phát; tình trạng quá tải bệnh viện vẫn còn xảy ra; tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ tại chỗ đạt thấp. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng thiếu bền vững; công tác đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; công tác tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

4. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiềm lực trong khu vực phòng thủ có mặt còn hạn chế; công tác giáo dục quốc phòng toàn dân chưa sâu rộng; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã có nơi còn yếu. Trật tự an toàn xã hội có mặt diễn biến phức tạp, một số loại tội phạm hình sự có chiều hướng gia tăng, đối tượng vi phạm pháp luật trong lứa tuổi thanh thiếu niên chiếm tỷ lệ cao; tai nạn giao thông được kiểm chế nhưng chưa vững chắc; an ninh nông thôn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định. Tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người còn xảy ra; giải quyết yêu cầu, kiến nghị qua tiếp dân và thực hiện kết luận, quyết định sau thanh tra của các địa phương và một số ngành, ở một số vụ việc còn kéo dài; kỷ cương, kỷ luật hành chính có một số biểu hiện chưa nghiêm.

#### **\* Nguyên nhân tồn tại**

- *Về khách quan:* Do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới tác động mạnh đến nền kinh tế nước ta nên khó khăn về kinh tế chung của cả nước, chính sách còn nhiều bất cập, giá cả một số mặt hàng nông sản giảm, tình hình thời tiết ... đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp và đời sống nhân dân trong huyện.

- *Về chủ quan:* Trong chỉ đạo, điều hành của UBND huyện vẫn còn một số lĩnh vực chưa được tập trung đúng mức. Việc triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ; sự phối kết hợp chưa chặt chẽ; năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên một số lĩnh vực của một số lãnh đạo các ngành, địa phương còn yếu, thụ động, lúng túng. Tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ công chức, người đứng đầu một số ngành, địa phương trong việc thực thi nhiệm vụ chưa cao; chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa tập trung, thiếu kiên quyết.

### **Phần thứ hai**

#### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020**

Dự kiến trong thời gian từ nay đến năm 2020, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn diễn biến bất lợi, phục hồi chậm; thời tiết diễn biến phức tạp, an ninh trật tự xã hội, đặc biệt là an ninh nông thôn vẫn còn tiềm ẩn phức tạp nên sẽ tác động đến tình hình phát triển kinh tế- xã hội và đời sống của nhân dân

trên địa bàn huyện. Vì vậy, nhiệm vụ từ nay đến năm 2020 là rất nặng nề, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà NQ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đã đề ra; do đó yêu cầu các ngành, các địa phương, đơn vị cần tập trung tiếp tục quán triệt nội dung NQ, rà soát, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm mà UBND huyện đã ban hành, đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt và những phát sinh khác nhằm chỉ đạo thúc đẩy sản xuất kinh doanh, ngăn chặn sự suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, trong đó cần tập trung chú trọng chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

## **I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG**

### **1. Về phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn**

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả, toàn diện và bền vững thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phấn đấu 100% các xã còn lại trên địa bàn huyện đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm 4,3%. Sản lượng lương thực ổn định bình quân hàng năm 100.000 tấn; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt trên 100 triệu đồng/năm; xây dựng và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống lụt bão.

Về **trồng trọt**, Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ. Ổn định diện tích 2 vụ lúa/năm, diện tích sản xuất lúa đến năm 2020 là 14.800 ha; tăng cường đầu tư thâm canh và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, năng suất lúa bình quân trên 68,5 tạ/ha. Duy trì và mở rộng vùng sản xuất lúa giống (KH 2.000 ha) tập trung chủ yếu ở xã: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Hiệp. Tập trung kêu gọi các doanh nghiệp liên doanh, liên kết xây dựng vùng sản xuất lúa thịt chất lượng cao (KH 4.000 ha), bố trí ở những vùng chuyên sản xuất lúa, không thể chuyển đổi cây trồng được, tập trung ở các xã: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Hòa, Phước An. Mở rộng vùng trồng hoa, vùng sản xuất rau an toàn ở những nơi có điều kiện để nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 31-KH/HU của Huyện ủy thực hiện CTHĐ số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy về Phát triển nông nghiệp-nông thôn giai đoạn 2016-2020.

Về **chăn nuôi**, phát triển theo hướng hiệu quả kinh tế và bền vững; đầu tư mở rộng hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; tranh thủ các dự án phát triển chăn nuôi bò chất lượng cao, tạo điều kiện nhân dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, tín dụng hộ nghèo để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hình thành các vùng nuôi gia cầm ở các xã Phước Thành, Phước An, Phước Nghĩa, Phước Hòa, Phước Sơn. Phấn đấu đến năm 2020 tổng đàn trâu, bò đạt 16.000 con, trong đó bò chất lượng cao, bò lai

trên 85%; đàn heo 55.000 con, đàn gia cầm 1.700.000 con; gắn chăn nuôi với việc phát triển các công trình khí sinh học. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ gia súc và công tác giám sát dịch bệnh.

Về **lâm nghiệp**, tiếp tục phát triển trồng rừng kinh tế tập trung, trồng cây nhân dân, phòng chống cháy rừng trên địa bàn; triển khai quy hoạch bảo vệ rừng và phát triển rừng đến năm 2020 đã được phê duyệt. Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 là 9%. Xúc tiến đề nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền lập dự án kêu gọi đầu tư, trồng rừng ngập mặn khu sinh thái Côn Chim để phát triển du lịch sinh thái trong thời gian đến.

Về **thủy sản – diêm nghiệp**, đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả kinh tế; sản xuất đúng lịch thời vụ, áp dụng mô hình nuôi xen, đa canh sản phẩm ngư nghiệp; kiểm tra, kiểm soát nguồn giống đảm bảo chất lượng, sạch bệnh đưa vào nuôi trồng. Ổn định diện tích nuôi trồng hàng năm đạt 997 ha (tôm thâm canh và bán thâm canh là: 100 ha, thuộc khu vực trên đê của 4 xã Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận). Chú trọng ứng dụng nhân rộng các mô hình nuôi an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Kiểm tra, hướng dẫn ngư dân thực hiện quản lý môi trường nuôi, chăm sóc, phòng ngừa dịch bệnh cho tôm nuôi. Tăng cường các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả việc sử dụng kích điện đánh bắt thủy sản ở mặt nước tự nhiên, nhất là trên đầm Thị Nại. Tiếp tục vận động diêm dân sản xuất muối theo mô hình trải bạt ở ô kết tinh và ổn định.

Về **xây dựng nông thôn mới**, tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số: 02-CTHD/HU ngày 06/6/2016 về “Xây dựng huyện Tuy Phước đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016-2020” phấn đấu đến năm 2019 có 11 xã đạt chuẩn về xây dựng nông thôn mới và đến năm 2020 huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Nghị quyết đề ra.

## **2. Về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp của huyện, góp phần thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện, phấn đấu tốc độ tăng bình quân hàng năm giá trị sản xuất ngành công nghiệp – xây dựng đạt 10,3%. Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư 03 cụm Công nghiệp Bình An (Phước Thành), Quy Hội (Phước An) và Cụm công nghiệp Kỳ Sơn (Phước Sơn) sau khi được phê duyệt để tạo điều kiện tốt cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh; phát triển các điểm công nghiệp khác ngoài cụm ở các xã có điều kiện. Phát triển các sản phẩm có thế mạnh hiện nay đồng thời khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm mới công nghệ tiên tiến, gắn sản xuất với bảo vệ môi trường. Với lợi thế về giao thông đường bộ, đường sắt và cảng biển, gắn với việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án trên địa bàn, thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của tỉnh, của huyện. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vùng có điều kiện và thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để chủ động xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn, dự án tổ hợp lọc hóa dầu, các dự án phục vụ khu kinh tế Nhơn Hội và các dự án lớn của tỉnh



trong thời gian đến. Hoàn thành đầu tư các dự án điện nông thôn trên địa bàn, tăng chất lượng dịch vụ điện cho nhân dân. Đẩy mạnh chương trình khuyến công và các làng nghề truyền thống, phát triển các sản phẩm làng nghề mới và xây dựng thương hiệu làng nghề sẵn có của địa phương. Công tác quản lý vận hành điện chiếu sáng đô thị, các chốt đèn tín hiệu giao thông, công viên cây xanh và quản lý đô thị đi vào nề nếp và hiệu quả.

### ***3. Về phát triển thương mại và dịch vụ***

Huy động và khuyến khích các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế vào các dự án thương mại, dịch vụ. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển các khu đô thị, các chợ trong hệ thống quy hoạch được duyệt. Triển khai có hiệu quả các giải pháp bình ổn giá thị trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, kém chất lượng. Hỗ trợ, tạo điều kiện để mở rộng các loại hình kinh doanh thương mại, dịch vụ công cộng xã hội, dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ nông nghiệp. Chú trọng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ chất lượng cao, phấn đấu giá trị gia tăng bình quân 10,3%/năm.

### ***4. Về phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật***

Tiếp tục triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, tổ chức khảo sát, nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch đã có để nâng cao chất lượng quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Tiếp tục lập quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng các khu chức năng tại thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, trung tâm xã Phước Hòa, Phước Lộc và Phước Sơn để đủ điều kiện phát triển lên đô thị loại V. Xây dựng huyện Tuy Phước là đô thị vệ tinh của thành phố Quy Nhơn theo định hướng của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ phát triển đô thị đạt 42%.

Trong thời gian còn lại cần tập trung đầu tư các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện, kiến nghị cấp thẩm quyền tổ chức đầu tư và phân bổ nguồn vốn, giao kế hoạch đầu tư, nâng cấp hoàn thành tuyến QL19C, ĐT636, nhất là tiếp tục triển khai dự án nâng cấp, mở rộng ĐT640 đoạn từ cầu Ông Đô đến trung tâm huyện lỵ, đồng thời kiến nghị tiếp tục nâng cấp, mở rộng đoạn từ trung tâm huyện lỵ đi Cát Tiến và hệ thống cầu đã xuống cấp, số cầu cần đầu tư mới, kết hợp với đầu tư trên 100km đường giao thông nông thôn nhằm tạo sự kết nối giao thông đồng bộ với thành phố Quy Nhơn và khu kinh tế Nhơn Hội trong quy hoạch là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Nam Trung Bộ, đồng thời đáp ứng nhu cầu vận tải cho các dự án lớn của tỉnh. Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư của Trung ương về tiếp tục triển khai dự án biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và nguồn đầu tư phát triển của tỉnh gắn với nguồn vốn của địa phương tập trung đầu tư các cơ sở hạ tầng, trong đó tập trung đầu tư cho các xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh; hoàn thành xây dựng sân vận động huyện; cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Phước An; chợ Gò Bồi; mở rộng khu đô thị phía đông bắc xã Phước Hòa theo quy hoạch được duyệt, kiên cố hóa kênh mương và đầu tư các công trình bức xúc khác trên các lĩnh vực hạ tầng đô thị, hạ tầng công nghệ thông tin giai đoạn

2016-2020.

### **5. Về tài chính, ngân sách, tín dụng**

Triển khai thực hiện tốt các giải pháp huy động các nguồn thu ngân sách, phấn đấu vượt chỉ tiêu thu ngân sách hàng năm và mức tăng thu 10%/năm. Chủ động khai thác, thu hút và nuôi dưỡng các nguồn thu; tăng cường quản lý, kinh doanh trên địa bàn để quản lý thu kịp thời, đúng quy định; tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của ngân hàng và các Quỹ tín dụng nhân dân. Thực hiện cho vay ưu đãi chính sách đúng mục đích, đối tượng và giải ngân trực tiếp đến đối tượng. Quản lý, giám sát chặt nhằm tăng cường hiệu quả các nguồn vốn vay.

### **6. Về tài nguyên môi trường**

Tập trung thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 đã được duyệt; tổ chức xét giao đất ở đối với nhân dân, giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu; thực hiện chỉnh lý biến động đất đai kịp thời, thống kê, kiểm kê đất đai đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm đất đai, đất giao không đúng thẩm quyền, thu tiền không đúng quy định; tăng cường thanh tra đất đai, thu hồi đất dự án không đầu tư hoặc sử dụng không hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSD đất ở lần đầu theo chủ trương của Chính phủ; tiếp tục triển khai mở rộng địa bàn thu gom rác thải theo đề án đã được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra công tác khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường gắn với nông thôn mới, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

### **7. Về phát triển các thành phần kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn để tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng lợi nhuận và tập trung vốn đầu tư, tăng cường đổi mới công nghệ, tăng chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu góp phần quan trọng tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu. Tiếp tục củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn, cung ứng các dịch vụ tốt cho nhân dân, quản lý hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lợi nhuận, quản lý chặt chẽ nguồn vốn hoạt động; các cấp, ngành tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và kinh tế hợp tác xã phát triển.

## **II. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI**

### **1. Về giáo dục và đào tạo**

Tăng cường công tác quản lý giáo dục và đào tạo, thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Củng cố đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy và học. Duy trì 100% số trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo, 6 tuổi vào lớp 1 và 100% học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học

vào lớp 6; duy trì và từng bước nâng cao công tác phổ cập các cấp học, bậc học. Triển khai có hiệu quả các giải pháp giảm thiểu số lượng học sinh bỏ học, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia và “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”,...Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Học tập cộng đồng, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài; thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục.

## **2. Về Y tế, Dân số - KHHGD**

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế ở cơ sở. Triển khai có hiệu quả công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống, kiểm soát dịch bệnh truyền nhiễm. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; duy trì thường xuyên công tác kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động hành nghề y dược tư nhân. Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; phấn đấu 100% trạm y tế có bác sỹ tại chỗ. Chú trọng triển khai xây dựng xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế và chương trình thôn sức khỏe, gia đình sức khỏe. Triển khai hiệu quả chương trình dân số KHHGD; chú trọng vận động giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

## **3. Về Văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thanh**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các dịch vụ văn hóa thông tin, thể thao. Triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động trực quan và tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, các ngày lễ, hội lớn trong năm. Tăng cường công tác bảo tồn, quản lý, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn. Tiếp tục tham mưu các cấp triển khai thực hiện xây dựng, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tiếp tục phấn đấu đến năm 2020, có 11/11 (100%) “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; 01 thị trấn (50%) đạt danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, 90% số thôn đạt “Thôn văn hóa”, 97% trở lên số hộ đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, 100% cơ quan đạt danh hiệu “Cơ quan văn hóa”. Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước, xem đây là một trong những giải pháp thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, góp phần từng bước hiện đại nền hành chính công và nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo địa phương; tập trung chỉ đạo sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, hệ thống văn phòng điện tử, hộp thư điện tử công vụ, nâng cao chất lượng hoạt động của trang thông tin điện tử huyện, xây dựng trang thông tin điện tử các xã, thị trấn, hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến kết nối từ huyện đến các xã, thị trấn

## **4. Về thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm**

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với người có công, người nghèo, trẻ em và các đối tượng xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định; thực hiện hỗ trợ xây dựng xóa nhà ở đơn sơ cho hộ nghèo,

phản động, các băng nhóm tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức; hạn chế thấp nhất tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên; ngăn chặn có hiệu quả tội phạm ma túy, các tệ nạn xã hội, tội phạm gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ; áp dụng đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo.

Trên đây là báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, của UBND huyện Tuy Phước /.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- CT các PCT UBND huyện;
- Mặt trận và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu : VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Thuận**